TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 02-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Phước Cường;

- Ông Lê Châu Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2002/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn:

- Ông Lê Thành N, sinh năm 1948; địa chỉ: tổ 11, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang;

- Bà Nguyễn Ngọc Thoại P, sinh năm 1978; địa chỉ: số 200, tổ 02, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1967 và bà Quách Thị Phước L, sinh năm 1973; cùng địa chỉ: Số 104/57, tổ 11, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP P (gọi tắt là Ngân hàng); địa chỉ: số 41, 45 đường L, phường B, quận 1, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Duy K, sinh năm 1978 - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Phòng Giao dịch C; địa chỉ: số 76 – 78 Nguyễn Văn T, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 0002/2022/UQ-PGDCĐ ngày 23/5/2022).

(Ông Lê Thành N, bà Nguyễn Ngọc Thoại P, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Duy K có mặt; ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/11/2021, bà Nguyễn Ngọc Thoại P có cho ông L, bà L vay số tiền 85.000.000 *(Tám mươi lăm triệu)* đồng và có thoả thuận miệng là 03 ngày hoàn trả nhưng đến hạn ông L, bà L không thực hiện như thỏa thuận. Nên bà P khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông L và bà L hoàn trả cho bà P số tiền là 85.000.000 (*Tám mươi lăm triệu*) đồng, không yêu cầu về lãi.

Vào ngày 15/10/2021, ông Lê Thành N có cho ông L và bà L vay số tiền 270.000.000 *(Hai trăm bảy mươi triệu)* đồng, thoả thuận trong thời hạn là 30 ngày sẽ hoàn trả nhưng đến nay vẫn không thực hiện như thoả thuận, nên ông N khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông L và bà L hoàn trả cho ông N số tiền 270.000.000 *(Hai trăm bảy mươi triệu)* đồng, không yêu cầu về lãi.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L trình bày:

Ông L, bà L thống nhất vợ chồng ông bà có vay của bà P số tiền 85.000.000 *(Tám mươi lăm triệu)* đồng, có vay của ông N số tiền 270.000.000 *(Hai trăm bảy mươi triệu)* đồng và vay của Ngân hàng TMCP P theo Hợp đồng tín dụng số ST21011635/2021/HĐTD-OCB_CN ngày 13/5/2021; Hợp đồng tín dụng số ST21022447/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 09/8/2021; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/5/2021 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm thời tính đến ngày 24/5/2022 là 1.432.992.869 *(Một tỷ, bốn trăm ba mươi hai triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm sáu mươi chín)* đồng.

Ông L, bà L đồng ý trả toàn bộ số nợ cho bà P, ông N và Ngân hàng TMCP P.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngân hàng TMCP P yêu cầu ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị phước L trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số ST21011635/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 13/5/2021; Hợp đồng tín dụng số ST21022447/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 09/8/2021; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày

18/5/2021 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm thời tính đến ngày 14/6/2022 là 1.447.834.166 đồng.

Ông L, bà L còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 15/6/2022 cho đến khi ông L, bà L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số ST21011635A/2021/BĐ ngày 13/5/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ST21011635B/2021/BĐ ngày 13/5/2021 để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Phương giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông L, bà L thanh toán số tiền 85.000.000 *(Tám mươi lăm triệu)* đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Nguyên đơn ông N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông L, bà L thanh toán số tiền 270.000.000 *(Hai trăm bảy mươi triệu)* đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, yêu cầu ông L, bà L trả cho Ngân hàng TMCP P số nợ tạm tính đến hết ngày 02/8/2022 là 1.479.494.254 đồng, trong đó nợ gốc 1.390.573.183 đồng, nợ lãi 88.921.071 đồng; yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo mức quy định tại các thoả thuận về điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, kể từ ngày 03/8/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ; duy trì các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của ông L, bà L để đảm bảo thi hành án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 BLTTDS năm 2015; Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà L, ông L mặc dù đã được tống đạt nhiều lần nhưng

không đến Tòa tham gia xét xử nên thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án:

Việc vay tiền và giao kết hợp đồng tín dụng giữa ông N, bà P và Ngân hàng với ông L, bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận. Do ông L, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N, bà P và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L, bà L trả nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

Về biện pháp bảo đảm, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng và ông L, bà L được công chứng, đăng ký theo quy định pháp luật nên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo quy định pháp luật dân sự về giao dịch bảo đảm.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 323 Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 56, 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, bà P và Ngân hàng; buộc ông L, bà L trả cho bà P số tiền 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng, trả cho ông N số tiền 270.000.000 (hai trăm bảy mươi triệu) đồng, trả cho Ngân hàng nợ gốc 1.390.573.183 đồng, nợ lãi 88.921.071 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền

Bà Nguyễn Ngọc Thoại P, ông Lê Thành N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L trả nợ vay. Ông L, bà Lđang cư trú trên địa bàn thành phố C nên yêu cầu kiện của bà Nguyễn Ngọc Thoại P, ông Lê Thành N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, ông L, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà L theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng vay tài sản:

- Ông Lê Thành N cho rằng, vào ngày 15/10/2021, vợ chồng ông L, bà L có vay của ông N số tiền 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng, thời hạn vay là 30 ngày, hai bên không thỏa thuận lãi suất, hai bên có lập biên nhận nợ ngày 15/10/2021 thể hiện việc vay.

Lời khai này của ông N phù hợp với nội dung giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Thanh L và ông Lê Thành N, ngày 15/10/2021; Hợp đồng vay tiền ngày 15/10/2021 được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh An Giang có chữ ký, chữ viết đề họ tên bên vay Nguyễn Thanh L.

Tuy trong giấy vay tiền cũng như Hợp đồng vay tiền công chứng chỉ có chữ ký, chữ viết đề họ tên bên vay là ông Nguyễn Thanh L, nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà Quách Thị Phước L thừa nhận số tiền 270.000.000 đồng vay của ông N là nợ chung của vợ chồng, và khẳng định từ khi vay đến khi hòa giải tại Tòa án (ngày 01/3/2022) vợ chồng vẫn còn nợ số tiền 270.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Ngọc Thoại P trình bày, bà P có cho vợ chồng ông L, bà L vay 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng vào ngày 26/11/2021, thời hạn vay là 03 ngày, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khi vay, ông L có ký tên vào biên nhận mượn tiền vào ngày 26/11/2021. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, vợ chồng ông L, bà L thừa nhận có vay tiền của bà P 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng và cũng chưa trả phần tiền nào.

- Tại Hợp đồng tín dụng số ST21011635/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 13/5/2021; Hợp đồng tín dụng số ST21022447/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 09/8/2021; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/5/2021, thể hiện giữa Ngân hàng TMCP P – Phòng Giao dịch C với ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết. Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở các hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông L, bà L được Ngân hàng giải ngân tổng số tiền 1.510.000.000 đồng. Sau khi vay, ông L, bà L đã trả tiền vốn là 87.000.000 đồng, trả lãi 99.097.663 đồng rồi ngưng không tiếp tục trả nợ lãi, nợ vốn. Cho nên, tạm tính đến hết ngày 02/8/2022, ông L, bà L còn nợ Ngân hàng TMCP P là 1.479.494.254 đồng, trong đó nợ gốc 1.390.573.183 đồng, nợ lãi 88.921.071 đồng.

[4] Về biện pháp bảo đảm: Để đảm bảo khoản vay, ông L, bà L đã thế chấp cho Ngân hàng:

1/ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 20 địa chỉ tại phường C, thành phố C, tỉnh An Giang thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh L và bà Quách Phước L theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK 641815, số vào sổ cấp GCN: CS12462 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 21/9/2017.

2/ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 410, tờ bản đồ số 20 đại chỉ phường C, thành phố C, tỉnh An Giang thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Thanh L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 104152, số vào sổ cấp GCN: CH10774 do UBND thành phố C cấp ngày 11/9/2015 đứng tên ông Nguyễn Thanh L.

Theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số ST21011635A/2021/BĐ ngày 13/5/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ST21011635B/2021/BĐ ngày 13/5/2021. Xét các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N, bà P, do ông L, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N, bà P yêu cầu ông L, bà L trả số nợ đã vay là phù hợp với quy định tại các Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, buộc ông L, bà L trả cho ông N nợ vốn vay 270.000.000 đồng; trả cho bà P nợ vốn vay là 85.000.000 đồng.

Đối với Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L, bà L trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết để đảm bảo thi hành án là phù hợp với nội dung hợp đồng thế chấp đã ký kết, quy định tại các Điều 293, 299, 320, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng; buộc ông L, bà L trả cho Ngân hàng nợ vốn 1.390.573.183 đồng và nợ lãi tạm tính đến hết ngày 02/8/2022 là 88.921.071 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số ST21011635/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 13/5/2021; Hợp đồng tín dụng số ST21022447/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 09/8/2021; Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Duy trì việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số ST21011635A/2021/BĐ ngày 13/5/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ST21011635B/2021/BĐ ngày 13/5/202 giữa Ngân hàng với ông L, bà L để đảm bảo việc thi hành án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (03/8/2022), bị đơn ông L, bà L còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[6] Tài sản thế chấp

Trường hợp ông Nguyễn Thanh L và bà Quách Thị Phước L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số ST21011635A/2021/BĐ ngày 13/5/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ST21011635B/2021/BĐ ngày 13/5/2021 giữa Ngân hàng TMCP P với ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L theo quy định pháp luật để thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông N, bà P và Ngân hàng P.

Ông N, bà P và Ngân hàng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho bà P và Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 293, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 157, 158, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/U TVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành N.

Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Quách Thị Phước L trả cho ông Lê Thành N số nợ vay 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc Thoại P.

Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Quách Thị Phước L trả cho bà Nguyễn Ngọc Thoại P số nợ vay 85.000.000 (Tám mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại cổ phần P.

Buộc ông Nguyễn Thanh L và bà Quách Thị Phước L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần P tiền vốn gốc và lãi suất vay tính đến ngày 02/8/2022 là 1.479.494.254 đồng (trong đó nợ gốc 1.390.573.183 đồng, nợ lãi 88.921.071 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (03/8/2022), bị đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Quách Thị Phước L còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

4. Tài sản thế chấp

Trường hợp ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số ST21011635A/2021/BĐ ngày 13/5/2021; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ST21011635B/2021/BĐ ngày 13/5/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần P với ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L theo quy định pháp luật để thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm

Ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L phải chịu 67.034.000 *(Sáu mươi bảy triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Thành N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc Thoại P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 2.125.000 *(Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001914 ngày 12 tháng 01 năm 22 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho bà Nguyễn Ngọc Thoại P.

Ngân hàng thương mại cổ phần P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 25.993.000 đồng *(Hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002132 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C cho Ngân hàng thương mại cổ phần P.

6. Về quyền kháng cáo

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Lê Thành N, bà Nguyễn Ngọc Thoại P và Ngân hàng thương mại cổ phần P có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh L, bà Quách Thị Phước L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phượng